

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 14/2020/HSST

Ngày 17 - 3 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hoàng Ngọc Thoan;

2- Bà Lê Thị Hải Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Hoàng Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Địa chỉ: Số 45 Lê Lợi, thành phố Đông Hà), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2019/TLST-HS ngày 26/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HS ngày 17/3/2020, đối với bị cáo,

Trần Nguyên T (*Tên gọi khác:* T Hồng), sinh ngày 17/01/1982, tại Quảng Trị; Nơi cư trú: Khu phố T, phường ĐL, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Trần Nguyên M, sinh năm 1951 và bà Lê Thị H, sinh năm 1956, có vợ là chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 02/12/2010, Trần Nguyên T bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Trị, xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”.

- Ngày 25/11/2019, Trần Nguyên T bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, xử phạt 30 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (Bản án hình sự sơ thẩm số 265/2019/HSST ngày 25/11/2019).

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Bình Điền, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn C, xã CA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1998; Nơi ĐKNKTT: Thôn CN, xã H, huyện HL, tỉnh Quảng Trị. Hiện trú tại: Số 05 đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lê Viết T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố S, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1998; Địa chỉ: Khu phố H, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố T, phường ĐL, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong tháng 6/2019, Trần Nguyên T đã 02 thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/6/2019, T lên mạng Internet thì được biết được thông tin anh Nguyễn Đình D; Địa chỉ: Thôn Cẩm Thạch, xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị- Là chủ quán sửa xe tại địa chỉ số 51 Tôn Thất Thuyết, thành phố Đông Hà đang rao bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode màu vàng nâu, biển kiểm soát 74C1- 334.92 (*Sau đây viết tắt là: xe mô tô BKS 74C1- 334.92*) nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô BKS 74C1- 334.92. Thực hiện ý định, T đến quán sửa xe của anh D rồi giả vờ hỏi mua chiếc xe mô tô nêu trên, với giá 40.500.000 đồng và nói dối với anh D “*Cho mượn xe để chạy thử và đi lấy tiền đến trả*”. Do quen biết nhau từ trước và tin lời nói dối của T là thật nên anh D đồng ý giao chìa khóa xe cho T chạy thử. Lấy được xe, T điều khiển đến cơ sở cầm đồ số 10 đường N, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, do Lê Viết T làm chủ mượn để 4.000.000 đồng và để xe lại làm tin. Anh D biết mình đã bị lừa nên làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Lần thứ 2: Vào khoảng 11 giờ 00 ngày 19/6/2019, T cùng vợ là Nguyễn Thị N đến tiệm cắt tóc của chị Nguyễn Thị Mai T ở địa chỉ số 05 Huỳnh Thúc Kháng, Khu phố 9, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà để chị N làm tóc, thấy xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đen đỏ, biển kiểm soát 74F1-227.95 (*Sau đây viết tắt là: xe mô tô BKS 74F1-227.95*) của chị T dựng trước quán thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên; Thực hiện ý định chiếm đoạt, T nói dối với chị T “*Cho T mượn xe mô tô để đi mua cơm cho vợ và con*”. Do có quen biết từ trước và tin lời nói dối của T là thật nên chị T giao xe cho T mượn. Lấy được xe, T điều khiển đến gặp anh Nguyễn Văn Q; Địa chỉ: Khu phố H, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, mượn số tiền 10.000.000 đồng và để xe lại làm tin. Chị T biết mình đã bị lừa nên làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 96/KLĐGTS ngày 20/6/2019 và số 102/KLĐGTS ngày 02/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đông Hà, kết luận: Giá trị xe mô tô BKS 74C1-334.92 là 37.800.000 đồng; Giá trị xe mô tô BKS 74F1-227.95 là 29.280.000 đồng.

Cáo trạng số 02/CT-VKS-ĐH ngày 25/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, truy tố Trần Nguyên T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát: Giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Nguyên T phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù và tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 265/2019/HSST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế để buộc bị cáo thi hành hình phạt chung của 02 bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động tố tụng: Quá trình điều tra- Truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng- Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng hình sự trong hoạt động điều tra, truy tố; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Nguyên T không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng- Người tiến hành tố tụng.

[2] Nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Nguyên T khai nhận:

Do cần tiền tiêu xài nên Trần Nguyên T đã nói dối với anh Nguyễn Đình D và chị Nguyễn Thị Mai T, tin tưởng lời nói dối của T là thật nên anh D và chị T đã “tự nguyện” giao xe mô tô cho T, nhận được tài sản (xe mô tô) T đã đưa đi làm vật “Cầm cố” để lấy tiền tiêu xài. Lời khai nhận nêu trên, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đó là: Tin báo về phạm tội, vật chứng vụ án, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như lời khai của người làm chứng nên có đủ cơ sở để khẳng định:

Với ý thức muốn “Chiếm đoạt tài sản” là xe mô tô BKS 74C1-334.92 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Đình D và xe mô tô BKS 74F1-227.95 thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Mai T nên Trần Nguyên T đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho anh D và chị T tin tưởng lời nói dối của T là thật nên đã “tự nguyện” giao

tài sản cho T, nhận được tài sản (xe mô tô) T đã đi làm vật “Cầm cố” lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Ngày 08/6/2019, tại địa chỉ số 51 Tôn Thất Thuyết, thành phố Đông Hà T đã nói dối với anh D “Cần chạy thử xe để kiểm tra chất lượng trước khi quyết định mua xe mô tô BKS 74C1-334.92”, anh D tưởng lời nói dối của T là thật nên đã giao xe mô tô cho T chạy thử. Lấy được xe, T điều khiển đến cơ sở cầm đồ do Lê Viết T làm chủ để mượn 4.000.000 đồng và để xe lại làm tin.

Ngày 19/6/2019, tại địa chỉ số 05 Huỳnh Thúc Kháng, Khu phố 9, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà T đã nói dối với chị T “Cho T mượn xe mô tô để đi mua cơm cho vợ và con” chị T tưởng lời nói dối của T là thật nên đã giao xe mô tô cho T. Lấy được xe, T điều khiển đến gặp anh Nguyễn Văn Q để mượn số tiền 10.000.000 đồng và để xe lại làm tin.

Tổng giá trị 02 xe mô tô T đã chiếm đoạt nêu trên là 67.080.000 đồng (Xe mô tô BKS 74C1-334.92: 37.800.000 đồng; Xe mô tô BKS 74F1-227.95: 29.280.000 đồng) nên hành vi nêu trên của Trần Nguyên T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự, trị an trên địa bàn thành phố Đông Hà nên cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng- ngừa và đẩy lùi loại tội phạm có chiều hướng gia tăng này trên địa bàn Thành phố. Trong vụ án này, T đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt (Lần 1 ngày 08/6/2019 và lần 2 vào ngày 19/6/2019), giá trị tài sản mỗi lần chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng nên T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, quá trình điều tra, truy tố và xét bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên phải áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tội phạm mà T gây ra trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu nên việc không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội; ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Để đáp ứng nhiệm vụ chính trị trên địa bàn thành phố Đông Hà cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ và cần thiết.

Đối với hình phạt 30 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 265/2019/HSST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp với hình phạt của bản án này để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 265/2019/HSST ngày 25/11/2019 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

Về hành vi nhận cầm cố tài sản do Trần Nguyên T phạm tội mà có của anh Lê Viết T và anh Nguyễn Văn Q khi cho T mượn tiền, Hội đồng xét xử thấy: Anh T và anh Q không biết tài sản nhận cầm cố do T phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đông Hà không xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi cầm cố tài sản do phạm tội mà có của anh T và anh Q là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Thị N- Là người đi cùng T đến quán làm tóc của chị Nguyễn Thị Mai T nhưng chị N không biết được Trần Nguyên T chiếm đoạt xe mô tô của chị T và không hưởng lợi từ hành vi phạm tội của T nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đông Hà không xem xét là có cơ sở.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Anh Nguyễn Đình D và anh chị Nguyễn Thị Mai T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có ý kiến gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Lê Viết T yêu cầu Trần Nguyên T trả lại số tiền 4.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn Q yêu cầu Trần Nguyên T trả lại số tiền 10.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

*** Về vật chứng vụ án:** Xe mô tô BKS 74C1-334.92 thuộc quyền sở hữu của anh D, xe mô tô BKS 74F1-227.95 thuộc quyền sở hữu của chị T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở là có căn cứ.

*** Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Nguyên T**, phạm tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Trần Nguyên T 36 tháng tù,

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 265/2019/HSST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, buộc bị cáo Trần Nguyên T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm, 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc Trần Nguyên T trả lại cho anh Lê Viết T 4.000.000 đồng và trả lại cho anh Nguyễn Văn Q 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Buộc bị cáo Trần Nguyên T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đông Hà;
- Bị cáo, những người TGTG khác;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Công an thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Tô HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Huy